

Gia Lai, ngày 02 tháng 02 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	1	2	3	4	5=3/2	6=3/4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách					
I	Số thu					
II	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi sự nghiệp y tế					
2	Chi quản lý hành chính					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.135	6.054,8	641,9	98,70%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.135	6.054,8	641,9	98,70%	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	499,55	419,95		84,07%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	499,55	419,95		84,07%	
	Kinh phí mua sắm TB CNTT phục vụ triển khai BAĐT	499,55	419,95		84,07%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.635	5.634,8	641,9	99,99%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.332,6	5.332,6		100,00%	
	Kinh phí chi Lương và chi thường xuyên giao tự chủ	5.333	5.332,6		100,00%	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	302,5	302,2	641,9	99,90%	47,12%
	Kinh phí chi trả chế độ phòng chống dịch Covid-19			621,0		0,00%
	Hỗ trợ tết nguyên đán	37,6	37,6	20,95		179,47%
	Chính sách đãi ngộ Bác sĩ theo NQ 103	264,9	264,6		99,89%	
	Giảm nguồn CCTL (14)	-36,4	-36,4			
	Quỹ tiền thưởng theo ND 73	36,4	36,4		100,00%	
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Gia Lai, ngày 02 tháng 02 năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Trần Thị Phương Mai

Vũ Trọng Dũng